

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-ST
Ngày: 26/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Minh Hương.

Thẩm phán: Ông Chu Đức Quế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Huệ;

Bà Đặng Thị Xuân;

Bà Doãn Thị Hương.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/TLST-HS
ngày 28/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS
ngày 13 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Dương Thị L, sinh ngày 26/6/1995 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn C, sinh năm 1974 và bà Dương Thị S, sinh năm 1976; Có chồng là Thẩm Thanh T, sinh năm 1991; Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Đinh Xuân D - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Người bị hại:**

1/ Bà Ma Thị H, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc

Kạn. Có mặt.

2/ Ông Ma Văn T1, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

3/ Bà Ma Thị M, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. vắng mặt.

4/ Ông Ma Văn H, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

5/ Bà Ma Thị T, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

6/ Bà Tào Thị P, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

7/ Bà Ma Thị V, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

8/ Ông Ma Văn A, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

9/ Bà Lý Thị T1, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

10/ Ông Ma Văn V, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

11/ Bà Thẩm Thị H1, sinh năm 1951; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

12/ Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

13/ Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

14/ Bà Hà Thị P1, sinh năm 1950; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

15/ Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

16/ Bà Vi Thị K, sinh năm 1990; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

17/ Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

18/ Bà Ma Thị N, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

19/ Bà Lăng Thị H3, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

20/ Bà Nông Thị D, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

21/ Bà Ma Thị X, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

22/ Bà Hà Thị Y, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

23/ Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1958; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

24/ Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

25/ Bà Lý Thị Q, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

26/ Bà Triệu Thị T3, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn BK, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

27/ Bà Triệu Thị Thu N2, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

28/ Ông Hoàng Văn T3, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn L, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Ma Thị H4, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2/ Ông Tống Cao C1, sinh năm 1981; Trú tại: Tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. (Nơi làm việc: Bưu điện huyện P). Có mặt.

3/ Bà Ma Thị Y, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn NC, xã B1, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. (Nơi làm việc: Bưu điện huyện P). Có mặt.

4/ Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1987; Trú tại: B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Nơi làm việc: Bưu điện huyện P). Vắng mặt.

5/ Hoàng Thị Thanh T5, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. (Nơi làm việc: Bưu điện huyện P). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2018, Dương Thị L, sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn đã nhiều lần vay tiền qua các ứng dụng mạng xã hội trên điện thoại di động để chi tiêu cá nhân như: vay của Home Credit số tiền 14.000.000^d (Mười bốn triệu đồng); vay của FE Credit số tiền 35.000.000^d (Ba mươi năm triệu đồng); vay của DoctorDong số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng); vay của Avay số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng); vay của Evay số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng); vay của Vdong số tiền 5.000.000^d (Năm triệu đồng). Việc nhận tiền vay và trả tiền lãi qua tài khoản của Dương Thị L mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) Chi nhánh huyện P.

Thông qua chị Ma Thị Y sinh năm 1991, trú tại thôn Nà Cóc, xã B1, huyện P, tỉnh Bắc Kạn là giao dịch viên của Bưu điện huyện P, Dương Thị L được Bưu điện huyện P ký hợp đồng lao động số 11/HĐ-BĐH ngày 01/8/2019, nhiệm vụ công việc được giao là: “*Chuyển phát đến địa chỉ người nhận các loại bưu, gồm: Thư, công văn, tài liệu, báo chí, các loại giấy báo, giấy mời, fax và các loại bưu gửi khác được gửi về xã thông qua các dịch vụ của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; Cung cấp các dịch vụ của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam theo phân cấp và phục vụ hoạt động văn hóa tại điểm BD-VHX, phải chấp hành đúng theo Luật Bưu chính, Quy trình nghiệp vụ; Thực hiện các công đoạn vận động, giới thiệu khách hàng sử dụng các dịch vụ Bưu chính chuyển phát, phát hành báo chí, tài chính Bưu chính, phân phối truyền thông và dịch vụ khác ...*”. Năm 2020, L tiếp tục được Bưu điện huyện P ký hợp đồng lao động số 02/HĐ-BĐH ngày 01/01/2020, nhiệm vụ được giao như hợp đồng năm 2019.

Do không trả được các khoản tiền vay online, L nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác bằng thủ đoạn gian dối, L đưa ra thông tin “*có gói vay ưu đãi 15 ngày, lãi xuất cao. Gửi 10.000.000^d sẽ nhận được số tiền lãi và hoa hồng từ 1.200.000^d đến 1.400.000^d*”. L sử dụng các phiếu thu và phiếu yêu cầu mở tài khoản đã được cấp sử dụng trong công việc, ký giả chữ ký của Lãnh đạo và nhân viên giao dịch của Bưu điện huyện P nhằm mục đích tạo sự tin tưởng cho người dân gửi tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 28/10/2019 đến ngày 04/07/2020 có 29 người dân ở xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn đưa tiền cho L để gửi theo gói vay ưu đãi 15 ngày, lãi xuất cao. Số tiền người dân gửi tiết kiệm là 1.005.000.000^d (Một tỷ, không trăm linh năm triệu đồng), L đã trả tiền lãi cho các bị hại tổng số tiền là 95.900.000^d (Chín mươi năm triệu, chín trăm nghìn đồng);

Mở sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Bưu điện cho 03 bị hại số tiền là 12.000.000^d (*Mười hai triệu đồng*), bồi thường, trả cho các bị hại số tiền 194.000.000^d (*Một trăm chín mươi tư triệu đồng*), còn lại số tiền L chiếm đoạt sử dụng cá nhân là 703.100.000^d (*Bảy trăm linh ba triệu, một trăm nghìn đồng*). Cụ thể:

1. Ma Thị H, sinh năm 1972, trú tại thôn N, xã B, huyện P: Ngày 28/10/2019 khi đi thu tiền điện tại thôn N, L đã tư vấn cho bà H gửi tiền tiết kiệm tại ngân hàng Bưu điện Liên Việt chi nhánh huyện P với mức lãi suất là 7,1%/1 năm và được hưởng nhiều chế độ ưu đãi hơn các ngân hàng khác. Do tin tưởng, bà H đã đưa cho L số tiền 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*) để gửi tiết kiệm Bưu điện, sau khi nhận tiền L đến Bưu điện huyện P làm thủ tục gửi 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*), số tiền còn lại 45.000.000^d (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) L sử dụng vào mục đích cá nhân, L tự sửa bằng tay số tiền 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*) thành 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*) và đưa sổ cho bà H giữ.

Ngày 15/01/2020, bà H đưa cho L số tiền 20.000.000^d (*Hai mươi triệu đồng*) và được L viết cho 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản. Ngày 06/2/2020, bà H đưa cho L số tiền 15.000.000^d (*Mười lăm triệu đồng*) và được L viết cho 01 Phiếu thu. Ngày 07/5/2020, bà H đưa cho L số tiền 15.000.000^d (*Mười lăm triệu đồng*) và được L viết cho 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản. L đã trả tiền lãi cho bà H tổng cộng là 3.600.000^d (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà Ma Thị H là 91.400.000^d (*Chín mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

2. Ma Văn T1 sinh năm 1974, trú tại thôn N, xã B, huyện P: Ngày 28/10/2019, ông Ma Văn T1 được L tư vấn việc gửi tiền tiết kiệm tại ngân hàng Bưu điện Liên Việt chi nhánh huyện P với mức lãi suất là 7,1%/1 năm và được hưởng nhiều chế độ ưu đãi hơn các ngân hàng khác. Do tin tưởng, ông T1 đưa cho L số tiền 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*) để gửi tiết kiệm Bưu điện, sau khi nhận tiền L đến Bưu điện huyện P làm thủ tục gửi 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*), số tiền còn lại 45.000.000^d (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) L sử dụng vào mục đích cá nhân, L tự sửa bằng tay số tiền 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*) thành 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*) và đưa sổ cho ông T1 giữ.

Ngày 10/12/2019, ông T1 đưa cho L số tiền 15.000.000^d (*Mười lăm triệu đồng*), L viết cho ông T1 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản. Ngày 15/01/2020, ông T1 đưa cho L số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*), L viết cho ông T1 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản. L chưa trả tiền lãi cho ông T1. Số tiền L chiếm đoạt của ông T1 là 70.000.000^d (*Bảy mươi triệu đồng*).

3. Thẩm Thị H1, sinh năm 1951, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 02/02/2020, bà H1 đưa cho L 02 (hai) quyển sổ tiết kiệm gồm 01 quyển số tiền gửi: 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*); 01 quyển số tiền gửi: 10.000.000^d (*Mười triệu*

đồng) và chứng minh nhân dân để L đi rút hộ số tiền đang gửi tại Ngân hàng Liên Việt huyện P và nhờ L làm sổ mới gửi số tiền 15.000.000^d (Mười lăm triệu đồng) theo gói nhiều ưu đãi, lãi suất cao. Sau khi rút được tiền L đến Bưu điện huyện P làm thủ tục gửi số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) cho bà H1, số tiền còn lại L sử dụng cá nhân; Ngày 12/02/2020, bà H1 đưa tiếp cho L số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng) để gửi theo gói nhiều ưu đãi lãi suất cao, L cho bà H1 ký tên vào dòng cuối cùng của 01 tờ giấy trắng. Số tiền này, L sử dụng cá nhân hết; Ngày 08/3/2020, bà H1 đưa tiếp cho L số tiền 3.000.000^d (Ba triệu đồng), L viết cho bà H1 01 Phiếu thu. L đã trả tiền lãi cho bà H1 01 lần với số tiền 1.860.000^d (Một triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà H1 là 34.140.000^d (Ba mươi tư triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng). Quá trình điều tra, L đã trả cho bà H1 được 14.000.000^d (Mười bốn triệu đồng).

4. Ma Thị M, sinh năm 1966, trú tại thôn N, xã B, huyện P: Ngày 07/02/2020, bà M đã đưa cho L 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng), L viết cho bà M 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản và L đã trả tiền lãi cho bà M được 03 lần với tổng số tiền là: 6.200.000^d (Sáu triệu, hai trăm nghìn đồng). Số tiền L chiếm đoạt của bà M là: 13.800.000^d (Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

5. Hoàng Thị N, sinh năm 1981, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 20/02/2020, bà N đưa cho L số tiền 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng), L viết cho bà N 01 phiếu thu và 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L đã trả lãi nhiều lần với số tiền là 19.400.000^d (Mười chín triệu, bốn trăm nghìn đồng). Số tiền L chiếm đoạt của bà N là 30.600.000^d (Ba mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng).

6. Hoàng Văn T2, sinh năm 1983 và vợ là bà Ma Thị Tiến, sinh năm 1984, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 06/04/2020 ông T2 đưa cho L 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng), L viết cho ông T2 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản; cùng ngày bà Tiến đưa cho L 90.000.000^d (Chín mươi triệu đồng), L viết cho bà Tiến 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản. Đến ngày 27/05/2020 bà Tiến đưa tiếp cho L 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng) và L viết cho bà Tiến 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản, tổng số 160.000.000^d (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Đến tháng 6/2020, bà Tiến làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng bà Tiến ông T2 đề nghị L trả lại số tiền gửi, L đã trả đủ số tiền.

7. Hà Thị P1, sinh năm 1950, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 24/4/2020, bà P1 đưa cho L số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng), L viết cho bà P1 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L đã trả tiền lãi cho bà P1 1.000.000^d (Một triệu đồng). Số tiền L chiếm đoạt của bà P1 là 9.000.000^d (Chín triệu đồng).

8. Ma Văn H, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã B, huyện P: Ngày 05/5/2020, ông H đưa cho L số tiền 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng), L viết cho ông H 01

phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L đã trả tiền lãi cho ông H 02 lần với tổng số tiền: 6.700.000^d (*Sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của ông H là 23.300.000^d (*Hai mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng*).

9. Hoàng Thị Y, sinh năm 1995, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 08/5/2020, bà Y đưa cho L số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*), L viết cho bà Y 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L đã trả tiền lãi cho bà Y 02 lần với số tiền: 6.600.000^d (*Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà Y là 23.400.000^d (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

10. Vy Thị K, sinh năm 1990, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 06/5/2020, bà K đưa cho L số tiền 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*) tại Bưu điện Văn hóa xã B, khi nhận tiền thì L có viết vào quyển sổ bì màu xanh có dòng chữ “Bưu điện tỉnh Bắc Kạn”. Sau đó L đã trả tiền lãi cho bà K 540.000^d (*Năm trăm bốn mươi nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà K là 2.460.000^d (*Hai triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

11. Hoàng Thị H2, sinh năm 1975, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 08/5/2020, bà H2 đưa cho L số tiền 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*), L viết cho bà H2 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L đã trả tiền lãi cho bà H2 1.500.000^d (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà H2 là 1.500.000^d (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*).

12. Ma Thị T, sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã B, huyện P: Ngày 08/5/2020, bà T đưa cho L số tiền 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*), L viết cho bà T 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L đã trả tiền lãi cho bà T 01 lần 4.000.000^d (*Bốn triệu đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà T là 46.000.000^d (*Bốn mươi sáu triệu đồng*).

13. Tào Thị P, sinh năm 1992, trú tại thôn N, xã B, huyện P: Ngày 12/5/2020, bà P đưa cho L số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*), L viết cho bà P 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L đã trả tiền lãi cho bà P 02 lần với tổng số tiền 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà P là 23.000.000^d (*Hai mươi ba triệu đồng*).

14. Ma Thị N, sinh năm 1971, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 18/5/2020, bà N đưa cho L số tiền 20.000.000^d (*Hai mươi triệu đồng*), L viết cho bà N 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. L đã trả tiền lãi cho bà N 2.300.000^d (*Hai triệu, ba trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà N là 17.700.000^d (*Mười bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

15. Ma Thị V, sinh năm 1974, trú tại thôn N, xã B, huyện P: Ngày 22/5/2020, bà V đưa cho L số tiền 20.000.000^d (*Hai mươi triệu đồng*), L viết cho

bà V 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản và đưa luôn tiền lãi cho bà V 4.000.000^d (*Bốn triệu đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà V là 16.000.000^d (*Mười sáu triệu đồng*).

16. Lăng Thị H3, sinh năm 1989, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 28/5/2020, bà H3 đưa số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*) cho L để nhờ làm thủ tục gửi tiết kiệm Bưu điện, L viết cho bà H3 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản. Ngày 19/6/2020 L đến Bưu điện huyện P làm thủ tục gửi tiết kiệm số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*) mang tên Lăng Thị H3 và đưa lại sổ tiết kiệm cho bà H3, sau đó bà H3 được L trả tiền lãi 02 lần, mỗi lần 3.600.000^d (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*); Ngày 01/7/2020 bà H3 tiếp tục đưa cho L số tiền 8.000.000^d (*Tám triệu đồng*), L ghi vào quyển sổ bìa màu xanh có dòng chữ “Bưu điện tỉnh Bắc Kạn”. Sau khi nhận tiền, L không làm thủ tục gửi tiết kiệm số tiền bà H3 đưa, L đến Bưu điện huyện P làm thủ tục rút hết số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*). Bà H3 khi nhận được tin báo trên điện thoại nhắn số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*) gửi tiết kiệm đã rút hết thì đến Bưu điện huyện P hỏi mới biết người rút số tiền trên là L. Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà H3 là 30.800.000^d (*Ba mươi triệu, tám trăm nghìn đồng*). Ngày 13/01/2021 L trả cho bà H3 được 2.000.000^d (*Hai triệu đồng*).

17. Nông Thị D, sinh năm 1993, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 29/5/2020, bà D đưa cho L số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*), L viết cho bà D 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L đã trả tiền lãi cho bà D số tiền 3.500.000^d (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà D là 26.500.000^d (*Hai mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*).

18. Ma Thị X, sinh năm 1966 trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 01/6/2020, bà X đưa cho L số tiền 27.000.000^d (*Hai mươi bảy triệu đồng*), L nói tiền lãi cho bà X 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*) nhưng không đưa số tiền này cho bà X mà cộng vào số tiền gốc để thành 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*) và L viết 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản ghi số tiền là 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*); Đến ngày 04/07/2020, bà X tiếp tục đưa cho L số tiền 40.000.000^d (*Bốn mươi triệu đồng*), L viết cho bà X 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Tổng cộng L chiếm đoạt số tiền của bà X là 67.000.000^d (*Sáu mươi bảy triệu đồng*).

19. Hà Thị Y, sinh năm 1981, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 02/6/2020, bà Y đưa cho L số tiền 60.000.000^d (*Sáu mươi triệu đồng*), L viết cho bà Y 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L đã trả tiền lãi cho bà Y 03 lần với tổng số tiền 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà Y là 53.000.000^d (*Năm mươi ba triệu đồng*). Ngày 19/01/2021 L trả cho bà Y được 1.000.000^d (*Một triệu đồng*).

20. Hoàng Thị T2, sinh năm 1958, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 08/6/2020, bà T2 đưa cho L số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*), L viết cho bà T2 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L trả tiền lãi cho bà T2 4.500.000^d (*Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà T2 là 25.500.000^d (*Hai mươi năm triệu, năm trăm nghìn đồng*).

21. Ma Văn A, sinh năm 1967, trú tại thôn N, xã B, huyện P: Ngày 10/6/2020, ông A đưa cho L số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*), L viết cho ông A 01 Phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L trả tiền lãi cho ông A 1.200.000^d (*Một triệu, hai trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của ông A là 8.800.000^d (*Tám triệu, tám trăm nghìn đồng*).

22. Lý Thị T1, sinh năm 1966, trú tại thôn N, xã B, huyện P: Ngày 11/05/2020, bà T1 đưa cho L số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*), L viết cho bà T1 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Đến ngày 16/6/2020, bà T1 đưa tiếp cho L 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*), L viết cho bà T1 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L trả tiền lãi cho bà T1 là 3.200.000^d (*Ba triệu, hai trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà T1 là 36.800.000^d (*Ba mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*).

23. Ma Văn V, sinh năm 1962, trú tại thôn N, xã B, huyện P: Ngày 16/6/2020, ông V đưa cho L số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*), L viết cho ông V 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L chiếm đoạt hết số tiền này sử dụng cá nhân.

24. Hoàng Văn H1, sinh năm 1991, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 16/6/2020, ông H1 đưa cho L số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*), L viết cho ông H1 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó L đã trả tiền lãi ông H1 1.200.000^d (*Một triệu, hai trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của ông H1 là 8.800.000^d (*Tám triệu, tám trăm nghìn đồng*).

25. Lý Thị Q, sinh năm 1992, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 17/6/2020, bà Q chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho L 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*); Đến ngày 18/6/2020, bà Q trực tiếp đến Bưu điện Văn hóa xã B đưa cho L số tiền 35.000.000^d (*Ba mươi lăm triệu đồng*), sau đó L trả tiền lãi cho bà Q 1.500.000^d (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*). Số tiền L chiếm đoạt của bà Q là 36.500.000^d (*Ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*).

26. Hoàng Văn T3, sinh năm 1987, trú tại thôn L, xã B, huyện P: Ngày 25/02/2020, ông T3 đưa cho L số tiền 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*), được L ghi vào quyển sổ bìa màu xanh có dòng chữ “Bưu điện tỉnh Bắc Kạn”; Sau đó ông T3 đưa tiếp cho L 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*). L đã trả tiền lãi cho ông T3 1.250.000^d (*Một*

triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền L chiếm đoạt của ông T3 là 4.750.000^d (Bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

27. Triệu Thị T3, sinh năm 1994, trú tại thôn BK, xã B, huyện P: Ngày 17/06/2020, bà T3 chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng trên điện thoại cho L số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) và được L viết cho 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Đến ngày 30/6/2020, bà T3 đưa tiếp cho L số tiền 6.000.000^d (Sáu triệu đồng) và được L viết cho 01 phiếu yêu cầu mở tài khoản. Sau đó bà T3 hỏi lấy số tiết kiệm thì không thấy L đưa cho, nên bà T3 yêu cầu L trả lại số tiền, đến ngày 08/7/2020 L đã trả lại cho bà T3 số tiền 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng).

28. Triệu Thị Thu N2, sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã B, huyện P: Ngày 30/6/2020, bà N2 chuyển khoản cho L số tiền 3.000.000^d (Ba triệu đồng) và đưa tiền mặt cho L 8.000.000^d (Tám triệu đồng). Tổng số bà N2 đưa tiền cho L là 11.000.000^d (Mười một triệu đồng), L ghi vào quyển sổ bìa màu xanh có dòng chữ “Bưu điện tỉnh Bắc Kạn”. Sau đó L đã trả tiền lãi cho bà N2 650.000^d (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền L chiếm đoạt của bà N2 là 10.350.000^d (Mười triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-P1, ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Dương Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 của BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Điều luật có nội dung như sau:**

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân”:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm... làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án và xem xét hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị hướng xử lý như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Thị L từ 13 đến 15 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho 26 bị hại với tổng số tiền là 703.100.000^d (*Bảy trăm linh ba triệu một trăm nghìn đồng*).

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Người bào chữa cho bị cáo L có ý kiến: Bị cáo Dương Thị L bị điều tra, truy tố, xét xử về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng người đứng tội và đúng pháp luật, tuy nhiên bị cáo L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên trình độ nhận thức về pháp luật bị hạn chế, bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ điều kiện hết sức khó khăn vì vậy đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Về trách nhiệm bồi thường dân sự người bào chữa nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát. Tuy nhiên về án phí đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho bị cáo L do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

Những người bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị bị cáo L bồi thường số tiền đã chiếm đoạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tổng Cao C1 – Giám đốc Bưu điện huyện P; Bà Ma Thị Yển, bà Nguyễn Thị T4, bà Hoàng Thị Thanh T5 là giao dịch viên Bưu điện huyện P, tại phiên tòa đều khẳng định không biết hành vi đưa ra thông tin gửi tiền lãi suất cao của L, chữ ký trên phiếu thu mà L sử dụng đều không phải do những người này ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Dương Thị L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở khẳng định: Nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của nhiều người dân tại xã B, huyện P, bị cáo Dương Thị L đã đưa ra thông tin gian dối về việc gửi tiền tiết kiệm với lãi suất cao, cụ thể là gói vay ưu đãi 15 ngày, lãi xuất cao, gửi 10.000.000^d (Mười triệu đồng) sẽ nhận được số tiền lãi và hoa hồng từ 1.200.000^d (Một triệu hai trăm nghìn đồng) đến 1.400.000^d (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), L sử dụng các phiếu thu, phiếu yêu cầu mở tài khoản, ký giả chữ ký của các giao dịch viên nhằm tạo sự tin tưởng của người gửi tiền. Tổng số tiền 29 bị hại gửi tiết kiệm là 1.005.000.000^d (Một tỷ, không trăm linh năm triệu đồng); L đã trả tiền lãi cho các bị hại tổng số tiền là 95.900.000^d (Chín mươi năm triệu, chín trăm nghìn đồng); Mở sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Bưu điện cho 03 bị hại số tiền là 12.000.000^d (Mười hai triệu đồng). Như vậy, số tiền L chiếm đoạt để chi tiêu cho cá nhân là 897.100.000^d (Tám trăm chín mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, với đặc thù công việc của bị cáo tại Bưu điện xã B, huyện P thì bị cáo có đủ nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi bị cáo Dương Thị L xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các cá nhân, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo chiếm đoạt số tiền lớn do vậy Hội đồng xét xử sẽ xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cân nhắc về mức hình phạt phù hợp.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Bị cáo Dương Thị L có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần, đối với nhiều người, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã có trách nhiệm bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại với tổng số tiền 194.000.000^d

(Một trăm chín mươi tư triệu đồng). Như vậy, bị cáo L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có bố chồng là ông Thẩm Văn Phú được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì, tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối trừ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, những người bị hại đề nghị bị cáo bồi thường số tiền thực tế đã bị chiếm đoạt. Có 02 bị hại là ông Hoàng Văn T2 và bà Triệu Thị T3 đã được nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì.

Bị cáo L nhất trí với yêu cầu bồi thường của các bị hại, cụ thể số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại như sau:

- Bồi thường cho bà Ma Thị H số tiền là 91.400.000^d (Chín mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Ma Văn T1 số tiền là 70.000.000^d (Bảy mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Thẩm Thị H1 số tiền là 20.140.000^d (Hai mươi triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng). Do tại phiên tòa làm rõ bị cáo đã bồi thường cho bà H1 số tiền là 15.860.000^d (Mười lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) và gửi tiết kiệm tại Bưu điện huyện P cho bà H1 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Ma Thị M số tiền là: 13.800.000^d (Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Hoàng Thị N số tiền là 30.600.000^d (Ba mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Hà Thị P1 số tiền là 9.000.000^d (Chín triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Ma Văn H số tiền là 26.500.000^d (Hai mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa bị cáo và ông H đều xác nhận bị cáo cầm của ông H 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng) đã trả tiền lãi là 3.500.000^d (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Cáo trạng số 23 của Viện kiểm sát ghi bị cáo đã trả ông H 02 lần tiền lãi với tổng số tiền là 6.700.000^d (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) là chưa chính xác.

- Bồi thường cho bà Hoàng Thị Y số tiền là 23.400.000^d (Hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho bà Vy Thị K số tiền là 2.460.000^d (Hai triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho bà Hoàng Thị H2 số tiền là 1.500.000^d (Một triệu, năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho bà Ma Thị T số tiền là 46.000.000^d (Bốn mươi sáu triệu đồng).
- Bồi thường cho bà Tào Thị P số tiền là 22.500.000^d (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Do trước khi xét xử bị cáo có chuyển khoản trả bà P số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho bà Ma Thị N số tiền là 17.700.000^d (Mười bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho bà Ma Thị V số tiền là 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng).
- Bồi thường cho bà Lăng Thị H3 số tiền là 25.800.000^d (Hai mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng). Do trước khi xét xử bị cáo đã bồi thường thêm cho bà H3 số tiền 3.000.000^d (Ba triệu đồng).
- Bồi thường cho bà Nông Thị D số tiền là 26.500.000^d (Hai mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho bà Ma Thị X số tiền là 67.000.000^d (Sáu mươi bảy triệu đồng).
- Bồi thường cho bà Hà Thị Y số tiền là 51.000.000^d (Năm mươi một triệu đồng).
- Bồi thường cho bà Hoàng Thị T2 số tiền là 25.000.000^d (Hai mươi năm triệu đồng). Do trước khi xét xử bị cáo bồi thường thêm cho bà T2 số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Ma Văn A số tiền là 8.800.000^d (Tám triệu, tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho bà Lý Thị T1, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là 36.800.000^d (Ba mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Ma Văn V số tiền là 10.000.000^d (Mười triệu đồng).
- Bồi thường cho ông Hoàng Văn H1 số tiền là 8.800.000^d (Tám triệu, tám trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Lý Thị Q số tiền là 36.500.000^d (*Ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Hoàng Văn T3 số tiền là 4.750.000^d (*Bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Bồi thường cho bà Triệu Thị Thu N2 số tiền là 10.350.000^d (*Mười triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo L còn phải thực hiện trách nhiệm bồi thường dân sự nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án các giấy tờ là chứng cứ phạm tội của bị cáo, gồm: 09 (*chín*) Phiếu thu; 40 (*bốn mươi*) Phiếu yêu cầu mở tài khoản; 02 (*hai*) sổ tiết kiệm bưu điện; 01 (*một*) tờ giấy có dòng kẻ ngang, ghi “Triệu Thị Thu N2 gửi tiền tiết kiệm 11.000.000”; 03 (*ba*) tờ giấy ghi nội dung Dương Thị L nhận tiền của Hà Thị Y, Vy Thị K, Hoàng Văn T3, Lăng Thị H3. Được tách ra từ quyển sổ bìa cứng màu xanh, mặt sổ có dòng chữ “Bưu điện tỉnh Bắc Kạn”.

- Các vật chứng không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy, gồm: 01 (*một*) quyển phiếu thu bìa màu đỏ tím, bên trong có in biểu mẫu (phôi trắng); 01 (*một*) quyển phiếu yêu cầu mở tài khoản, bìa màu trắng bên trong in biểu mẫu (phôi trắng); 01 (*một*) quyển sổ bìa cứng màu đen, mặt sổ có dòng chữ “Future” bên trong có chữ viết và số; 01 (*một*) quyển sổ bìa cứng màu xanh, mặt sổ có dòng chữ “Bưu điện tỉnh Bắc Kạn”.

- Đối với 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, gắn thẻ sim Viettel, được niêm phong trong phong bì ký hiệu L2; tại phiên tòa bị cáo xác nhận đã sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với những người bị hại để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, hóa giá, sung công quỹ Nhà nước.

(*Tình trạng, số lượng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn*).

[8] Đối với hành vi Dương Thị L tẩy xóa số tiền ghi trên sổ tiết kiệm bưu điện của bà Ma Thị H và sổ của ông Ma Văn T1. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định, tại bản kết luận giám định số 42/KTHS-GĐTL ngày 06/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Số tiền bằng số và số tiền bằng chữ bị tẩy xóa từ số chữ nguyên thủy là 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*) thành số và chữ 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*).

Hành vi Dương Thị L tấy xóa sổ tiền ghi trên sổ tiết kiệm bưu điện của bà Ma Thị H, sổ tiết kiệm của ông Ma Văn T1 và hành vi giả chữ ký của lãnh đạo và nhân viên Bưu điện huyện P trong phiếu thu, hành vi này đều nhằm tạo sự tin tưởng cho người dân gửi tiền, là một trong những hành vi gian dối, được thu hút vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, mặt khác tại văn bản số 49/BKA-TTGSNH, ngày 21/01/2021 của Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Kạn trả lời: “*Không có cơ sở để khẳng định sổ tiết kiệm có phải là giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan tổ chức hay không*”. Do vậy, không có căn cứ xử lý Dương Thị L về các tội phạm khác theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Bưu điện huyện P - ông Tống Cao C1 cam kết với những người bị hại khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ hướng dẫn những người bị hại là Ma Thị H và Ma Văn T1 có sổ tiết kiệm đã bị cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ làm các thủ tục để cấp lại sổ tiết kiệm mới.

[9] Đối với phiếu yêu cầu mở tài khoản: Theo quy định, người dân gửi tiền tại Bưu điện phải trực tiếp mang theo chứng minh nhân dân đến Bưu điện làm việc với giao dịch viên để thực hiện các thủ tục gửi tiền. Các phiếu này không được cấp phát về Bưu điện cấp xã, bị cáo Dương Thị L không được nhận tiền của người dân gửi tiết kiệm Bưu điện, không được viết phiếu yêu cầu mở tài khoản.

Đối với phiếu thu: Bị cáo viết phiếu thu có đóng dấu treo của Bưu điện huyện P khi nhận tiền nhằm tạo lòng tin với những người bị hại. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các giao dịch viên của bưu điện huyện P đã giao phiếu yêu cầu mở tài khoản cho bị cáo là trái quy định. Bị cáo và các nhân viên Bưu điện huyện P đều thừa nhận việc giao phiếu thu cho bị cáo nhằm mục đích cho bị cáo viết phiếu thu khi thu tiền bảo hiểm xã hội tự nguyện và phiếu yêu cầu mở tài khoản là biểu mẫu không có giá trị pháp lý chỉ dùng để niêm yết cho người dân biết khi thực hiện việc gửi tiền tại Bưu điện. Việc giao phiếu yêu cầu mở tài khoản và phiếu thu còn có sẵn con dấu của Bưu điện huyện P, cho thấy việc quản lý tài liệu còn lỏng lẻo, gián tiếp để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, làm cho bị hại tin tưởng, tuy nhiên vấn đề này chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

[10] Trong vụ án còn có:

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ma Thị H4 khai chị H4 là người có đưa số tiền là 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*) cho mẹ là bà Lý Thị T1 nhờ bà T1 đưa cho L để gửi tiết kiệm, còn bà T1 chỉ có số tiền gửi là 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*) nhưng qua các tài liệu thu thập được tại quá trình điều tra thể hiện bà T1 là người trực tiếp đưa tiền cho L với tổng số tiền là

40.000.000^d (Bốn mươi triệu đồng), nên bà T1 là người bị hại, không có căn cứ xác định chị H4 là người bị hại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tổng Cao C1 – Giám đốc Bưu điện huyện P; Bà Ma Thị Yến, bà Nguyễn Thị T4, bà Hoàng Thị Thanh T5 là giao dịch viên Bưu điện huyện P, tại phiên tòa đều khẳng định không biết hành vi đưa ra thông tin gửi tiền lãi suất cao của L, chữ ký trên phiếu thu mà L sử dụng đều không phải do những người này ký. Việc đưa phiếu thu chỉ để bị cáo tạm thu tiền bảo hiểm xã hội tự nguyện và phiếu yêu cầu mở tài khoản chỉ đưa cho bị cáo để niêm yết làm mẫu, ngoài ra bị cáo cũng thừa nhận là đã tự lấy phiếu yêu cầu mở tài khoản ở quầy giao dịch để sử dụng khi không có mặt giao dịch viên. Bị cáo không có chức năng, nhiệm vụ thực hiện việc huy động tiền gửi. Hành vi tự đưa ra mức lãi xuất cao để huy động tiền gửi nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của những người bị hại thì những nhân viên Bưu điện huyện P hoàn toàn không biết.

Tại văn bản số 5038/2014/QĐ-LienVietPostbank ngày 08/9/2014 quy định về cung cấp và quản lý dịch vụ huy động tiền gửi tiết kiệm bưu điện và dịch vụ thanh toán tại hệ thống phòng giao dịch bưu điện và biên bản làm việc với Bưu điện tỉnh Bắc Kạn xác định: Khi khách hàng có nhu cầu gửi tiền tiết kiệm tại Bưu điện thì phải mang theo giấy tờ tùy thân và trực tiếp giao dịch với giao dịch viên tại quầy của Bưu điện để thực hiện các thủ tục gửi tiền tiết kiệm. Điểm bưu điện văn hóa xã không có chức năng thực hiện các giao dịch về tiền gửi tiết kiệm. Bưu điện tỉnh Bắc Kạn không hướng dẫn sử dụng mẫu phiếu thu số C30-BB. Bưu điện huyện P tự phát sinh mua và sử dụng mẫu phiếu thu C30-BB để tạm thời sử dụng vào mục đích thu tiền bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế đối với điểm Bưu điện văn hóa xã chưa được cấp mã đại lý. Điểm Bưu điện văn hóa xã B chưa được cấp mã đại lý thu sẽ được sử dụng mẫu phiếu thu C30-BB để thu tiền bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế. Mẫu phiếu thu C30_BB do Bưu điện P tự mua và chịu trách nhiệm.

Như vậy, Giám đốc và các nhân viên Bưu điện huyện P đã thực hiện việc giao phiếu thu có đóng dấu Bưu điện huyện P và phiếu yêu cầu mở tài khoản cho bị cáo là sai quy định của ngành, cần kiến nghị với Bưu điện tỉnh Bắc Kạn xem xét, xử lý theo quy định của ngành đối với lãnh đạo, nhân viên Bưu điện huyện P về các vấn đề trên.

[10] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn toàn bộ tiền án phí. Căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn Toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Dương Thị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Dương Thị L 12 (*Mười hai*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào trại thụ hình.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Dương Thị L phải bồi thường tổng số tiền 702.300.000^d (*Bảy trăm linh hai triệu ba trăm nghìn đồng*) cho 26 người bị hại cụ thể như sau:

1. Bồi thường cho bà Ma Thị H, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là 91.400.000^d (*Chín mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

2. Bồi thường cho ông Ma Văn T1, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là 70.000.000^d (*Bảy mươi triệu đồng*).

3. Bồi thường cho bà Thắm Thị H1, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 20.140.000^d (*Hai mươi triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

4. Bồi thường cho bà Ma Thị M, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là: 13.800.000^d (*Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng*).

5. Bồi thường cho bà Hoàng Thị N, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 30.600.000^d (*Ba mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

6. Bồi thường cho bà Hà Thị P1, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 9.000.000^d (*Chín triệu đồng*).

7. Bồi thường cho ông Ma Văn H, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là 26.500.000^d (*Hai mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*).

8. Bồi thường cho bà Hoàng Thị Y, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 23.400.000^d (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

9. Bồi thường cho bà Vy Thị K, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 2.460.000^d (*Hai triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

10. Bồi thường cho bà Hoàng Thị H2, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 1.500.000^d (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*).
11. Bồi thường cho bà Ma Thị T, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là 46.000.000^d (*Bốn mươi sáu triệu đồng*).
12. Bồi thường cho bà Tào Thị P, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là 22.500.000^d (*Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).
13. Bồi thường cho bà Ma Thị N, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 17.700.000^d (*Mười bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng*).
14. Bồi thường cho bà Ma Thị V, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là 16.000.000^d (*Mười sáu triệu đồng*).
15. Bồi thường cho bà Lăng Thị H3, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 25.800.000^d (*Hai mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*).
16. Bồi thường cho bà Nông Thị D, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 26.500.000^d (*Hai mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*).
17. Bồi thường cho bà Ma Thị X, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 67.000.000^d (*Sáu mươi bảy triệu đồng*).
18. Bồi thường cho bà Hà Thị Y, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 51.000.000^d (*Năm mươi một triệu đồng*).
19. Bồi thường cho bà Hoàng Thị T2, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 25.000.000^d (*Hai mươi năm triệu đồng*).
20. Bồi thường cho ông Ma Văn A, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là 8.800.000^d (*Tám triệu, tám trăm nghìn đồng*).
21. Bồi thường cho bà Lý Thị T1, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là 36.800.000^d (*Ba mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*).
22. Bồi thường cho ông Ma Văn V, trú tại thôn N, xã B, huyện P số tiền là 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*).
23. Bồi thường cho ông Hoàng Văn H1, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 8.800.000^d (*Tám triệu, tám trăm nghìn đồng*).
24. Bồi thường cho bà Lý Thị Q, trú tại thôn BK, xã B, huyện P số tiền là 36.500.000^d (*Ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*).
25. Bồi thường cho ông Hoàng Văn T3, trú tại thôn L, xã B, huyện P số tiền là 4.750.000^d (*Bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

26. Bồi thường cho bà Triệu Thị Thu N2, trú tại thôn K, xã B, huyện P số tiền là 10.350.000^d (*Mười triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Việc thi hành khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án các giấy tờ là chứng cứ phạm tội của bị cáo, gồm: 09 (*chín*) Phiếu thu; 40 (*bốn mươi*) Phiếu yêu cầu mở tài khoản; 02 (*hai*) sổ tiết kiệm bưu điện; 01 (*một*) tờ giấy có dòng kẻ ngang, ghi “Triệu Thị Thu N2 gửi tiền tiết kiệm 11.000.000”; 03 (*ba*) tờ giấy ghi nội dung Dương Thị L nhận tiền của Hà Thị Y, Vy Thị K, Hoàng Văn T3, Lăng Thị H3. Được tách ra từ quyển sổ bìa cứng màu xanh, mặt sổ có dòng chữ “Bưu điện tỉnh Bắc Kạn”.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) quyển phiếu thu bìa màu đỏ, tím bên trong có in biểu mẫu (phôi trắng); 01 (*một*) quyển phiếu yêu cầu mở tài khoản, bìa màu trắng bên trong in biểu mẫu (phôi trắng); 01 (*một*) quyển sổ bìa cứng màu đen, mặt sổ có dòng chữ “Future” bên trong có chữ viết và số; 01 (*một*) quyển sổ bìa cứng màu xanh, mặt sổ có dòng chữ “Bưu điện tỉnh Bắc Kạn”.

- Tịch thu, hóa giá, sung công quỹ Nhà nước: 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, gắn thẻ sim Viettel, thu giữ của Dương Thị L được niêm phong trong phong bì ký hiệu L2.

- Yêu cầu Bưu điện huyện P, tỉnh Bắc Kạn làm các thủ tục cấp lại sổ tiết kiệm mới cho người bị hại Ma Thị H và Ma Văn T1 theo quy định của pháp luật với số tiền bị cáo L đã mở sổ cho những người bị hại này tại bưu điện huyện P.

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

5. Án phí: Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn Toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Dương Thị L.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cơ quan ANĐT - CA tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại (28 người);
- NCQL, NVLQ (05 người);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đàm Thị Minh Hương